

BẢN SẮC VĂN HÓA ÓC EO TIẾP CẬN ĐỊA - SINH THÁI NHÂN VĂN

NGUYỄN KHẮC SỬ*

1. Mở đầu

1.1. Khái niệm

Trong các văn liệu khảo cổ, người ta thường sử dụng các khái niệm văn hóa Óc Eo, văn minh Óc Eo, bản sắc văn hóa hoặc di sản văn hóa Óc Eo với các hàm nghĩa khác nhau. Trong bài này, khái niệm *văn hóa Óc Eo* được sử dụng như một văn hóa khảo cổ, văn hóa của các cộng đồng tộc người, phân bố ở vùng đồng bằng Nam Bộ, tồn tại khoảng 7 thế kỷ đầu Công nguyên, gồm các di tích cư trú, kiến trúc tôn giáo, mộ táng với hệ thống di vật đặc trưng nổi bật là hệ thống tượng Phật, tượng thần, tượng các linh vật, đồ dùng sinh hoạt, các phù điêu, con dấu, tiền cổ, trang sức bằng kim loại, đá, gỗ, thủy tinh và đất nung. Văn hóa Óc Eo có nguồn gốc bản địa từ Tiền Óc Eo và là cơ tầng của quốc gia Phù Nam, mà đặc trưng nổi bật là các cảng thị trong con đường giao thương trên biển, một nền nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trong những thế kỷ đầu Công nguyên.

Nếu như văn hóa Óc Eo được biểu hiện bằng mối quan hệ qua lại giữa con người với tự nhiên, con người với con người và con người với thần linh, thì văn minh Óc Eo được nhắc đến ở đây là các biện pháp kỹ thuật của con người tác động vào tự nhiên. Vì vậy, nói đến di sản văn hóa Óc Eo là bao hàm cả trình độ kỹ thuật của nền văn minh và sản phẩm văn hóa mà cư dân ở đây đã đạt được trong lịch sử.

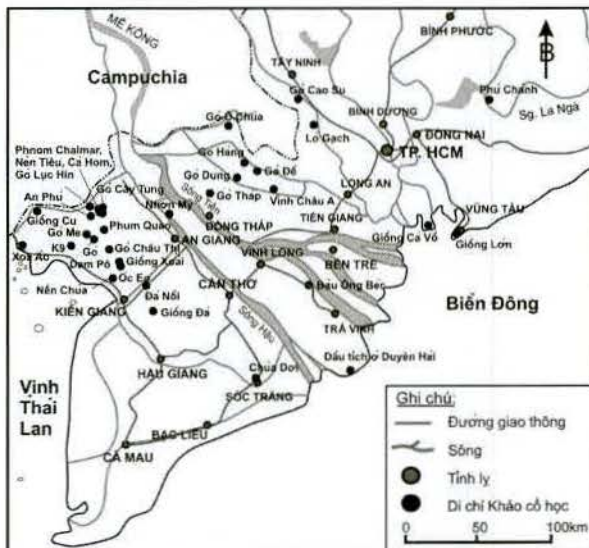
Khi nói đến bản sắc văn hóa Óc Eo là nói đến các giá trị văn hóa, cái mà cư dân này đã lựa chọn, đã vận hành nhằm thỏa mãn nhu cầu sống và phát triển của chính mình. Cho nên, bản sắc văn hóa Óc Eo phải là sự tổng hòa các khuynh hướng cơ bản trong sáng tạo văn hóa, thường xuyên liên hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa quá khứ và hiện tại. Trong quá trình phát triển, văn hóa Óc Eo đã hội nhập thêm những yếu tố mới, dần dần củng cố và trở thành truyền thống. Bản sắc văn hóa chính là tính đặc thù của văn hóa, được lưu giữ trong văn hóa và định hướng cho sự phát triển của nền văn hóa ấy trong lịch sử. Do vậy, khi nói đến việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Óc Eo cũng chính là bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa Óc Eo (Nguyễn Khắc Sử 2007: 14-16).

* Hội Khảo cổ học Việt Nam

1.2. Không gian và thời gian

Về không gian, cư dân Tiền Óc Eo và Óc Eo phân bố trên toàn bộ vùng đất Nam Bộ với hệ thống các di tích vùng lõi và vùng đệm. Vùng lõi gồm các di tích ở tỉnh An Giang (tiêu biểu là Óc Eo - Ba Thê), tỉnh Kiên Giang (di tích Đá Nổi, Nền Chùa, Tân Long) và vùng Đồng Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đây là địa bàn phân bố tập trung cao các di tích văn hóa Óc Eo, các di tích có niên đại từ thế kỷ I đến VII.

Vùng đệm của di sản là một không gian rộng lớn, bao quanh vùng lõi, gồm các tiểu vùng như: U Minh thượng, Nam Cấn, vùng duyên hải huyện Cần Giò (như Giồng Am, Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ), vùng ven biển từ sông Tiền đến Cà Mau; xa hơn về phía Tây và Tây Bắc Nam Bộ là các di tích ở Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, một phần Long An, Bình Thuận và thành phố Hồ Chí Minh (Hình 1). Nơi đây phân bố không chỉ di tích Óc Eo mà cả các di tích Tiền Óc Eo và Hậu Óc Eo.



Hình 1. Các di tích văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ (Nguồn: Phan Thanh Toàn)

Thời gian tồn tại và phân kỳ lịch sử văn hóa Óc Eo hiện còn thảo luận trong giới khoa học. Đa số xem niên đại ở độ sâu 2,8m địa tầng di tích Gò Cây Tung (An Giang) là 2.960 ± 80 BP làm mốc mở đầu cho các di tích Tiền Óc Eo. Do di tích này có địa tầng dày 4,2m, nên niên đại sớm nhất của Gò Cây Tung có thể là 3.000 - 3.500 năm BP. Niên đại này về cơ bản tương đương với tuổi một số di tích Óc Eo sớm vùng Nam Bộ như Cái Vạng (Đồng Nai) là 3.360 ± 80 BP, An Sơn (Long An) là 3.990 ± 90 BP và một số di tích khác¹.

Về phân kỳ lịch sử văn hóa Óc Eo cũng đang thảo luận. Có 3 giai đoạn: Tiền Óc Eo (từ Thiên niên kỷ II đến Tk I BC), văn hóa Óc Eo (TK I đến TK VII) và hậu Óc Eo (TK VIII đến TK X) (Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn 2011: 25-39). Cũng 3 giai đoạn, nhưng khác về khung thời gian: giai đoạn Gò Cây Tung (từ 2.960 BP đến 2000 BP), giai đoạn Giồng Xoài (từ 2.000 BP đến đầu TK I BC) và giai đoạn Óc Eo (Tk I BC đến II AD) (Nguyễn Quốc Mạnh, 1918:118). Lại có ý kiến phân chia thành 5 giai đoạn: Tiền sử muộn (2.500 năm BP), Tiền Óc Eo (TK III BC đến đầu CN), Óc Eo sớm (YK I-III), Óc Eo phát triển (TK IV-VII) và Óc Eo muộn (TK VIII-X) (Bùi Chí Hoàng (chủ biên), 2018, tr.58). Nhà nước Phù Nam phát triển qua 3 thời kỳ: hình thành (Tk I-II), phát triển (TK II - giữa Tk VI) và suy vong (giữa Tk VI đến Tk VII) (Trần Đức Cường (chủ biên), 2014:58). Nhìn chung, văn hóa Óc Eo tồn tại từ TK I-VII và là cơ tầng chính hình thành quốc gia Phù Nam. Trước đó, hay trước thế kỷ I được xem là Tiền Óc Eo và sau TK VII là hậu Óc Eo.

2. Những biến đổi về môi trường và khí hậu

2.1. Dao động mực nước biển

Vùng đất Nam Bộ hiện nay gồm 19 tỉnh, thành phố, được phân chia thành miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ². Những biến động về mực nước biển, khí hậu và thủy văn từ sau 4.000 năm BP trở lại đây ảnh hưởng trực tiếp đến các văn hóa Tiền Óc Eo và Óc Eo.

Dao động mực nước biển có ý nghĩa quyết định không gian sinh tồn của cư dân Tiền Óc Eo và Óc Eo vùng Nam Bộ. Đợt biển tiến mang tên Flandrian có qui mô toàn cầu cho biết, khoảng 18.000 BP nước biển còn ở độ sâu âm -120m. Từ đó, biển bắt đầu dâng với vận tốc trên 10mm/năm, rồi 9mm/năm, đến 11.000 BP mực nước vẫn còn ở độ sâu -60m. Vào khoảng 7.000 BP mực nước gần như hiện nay (Fairbridge R,W ,1962. Lúc đó, vùng đất và ven biển Nam Bộ còn là lục địa.

Các đợt biển tiến Holocene trung bắt đầu tiên vào vùng đất thấp của Nam Bộ, mức biển cực đại +4m vào khoảng 5.500 BP (Lê Đức An, 1996: 365-367) hoặc +4,5m vào khoảng 6.000-5.000 năm BP, sau đó hạ xuống và dừng lại ở độ cao +2,5m vào 4.150 BP (Fontaine, H.,1970: 113-129.). Kết quả nghiên cứu này tương ứng với nghiên cứu mới đây của S. Sinsakul ở vịnh Thái Lan, rằng mức biển +4m vào 6.000 BP (Sinsakul, S., 1992: 23-37) và của Huang Zhengou và đồng nghiệp ở Vịnh Bắc Bộ và Hải Nam, rằng mức biển cực đại +4,5m vào 5.700 BP (Huang Zhengou et all.,1987: 142-154).

Một số địa chất cho rằng, đồng bằng Nam Bộ đã trải qua 4 lần biển tiến: Các đợt biển tiến từ 4.850 đến 1.650 BC với 3 đỉnh cao là: +4,0m (ứng với 3.900 BC), +3,0m (2.950 BC) và +2,0m (2.350 BC). Các lần biển tiến đã tràn vào các vùng trũng thấp, tạo ra lớp trầm tích biển mới phủ khắp vùng Đồng Tháp Mười. Sau mỗi lần biển tiến là các pha biển thoái (hay biển lùi). Và lần biển thoái cuối cùng kéo dài từ 50 năm BC đến 550 năm AD, với mực nước thấp nhất vào khoảng -0,5m (ứng với năm 200 năm AD). Đây là giai đoạn hình thành và phát triển văn hóa Óc Eo - cơ tầng của quốc gia Phù Nam. Sau đó là giai đoạn biển lấn (có người gọi là biển tiến Holocene IV) từ 550 -1.150AD, với cấp độ nhỏ, đạt độ cao +0,8m vào năm 650 AD) (Nguyễn Ngọc, Phạm Hùng, 1984: 60-66; Bùi Chí Hoàng, nnk, 2015: 12-13). Một trong những nguyên nhân kết thúc văn minh Óc Eo được cho là do biến động của môi trường biển thoái, các cảng thị đóng cửa, giao thương đường biển với thế giới bên ngoài ngưng trệ (Phan Thanh Toàn 2011:16-26; Lê Thị Liên 2019: 245).

Mỗi lần biển tiến, biển thoái, trầm tích biển lại phủ lên một lớp phù sa mới, để lại các giồng cát hình cánh cung, tiền đề cho các cảng biển sau đó. Biển tiến, địa bàn cư trú bị thu hẹp, mật độ dân số lại tăng lên, đất đai trồng trọt bị mặn hóa, tác động xấu đến nông nghiệp trồng lúa, một số công trình kiến trúc ven biển nhất là các cảng thị bị chìm ngập. Biển tiến, lượng mưa gia tăng, lưu lượng và tốc độ dòng chảy của sông cũng thay đổi, nhiệt độ, chế độ gió hoàn lưu cũng biến đổi theo. Có thể nói, biển tiến là nguyên nhân chính gây nên sự thay đổi khí hậu, môi trường, ảnh hưởng trực tiếp lên hệ thực vật, động vật, trong đó có con người Nam Bộ.

Những biến động môi trường biển còn để lại trong các di tích và di vật khảo cổ văn hóa Óc Eo. Kết quả phân tích bào tử phấn hoa ở 4 địa điểm: Đá Nổi (An Giang), Nhơn Trạch (Cần Thơ), Gò Tháp (Đồng Tháp Mười) và Gò Thành (Tiền Giang) đã ghi nhận sự biến động từ môi trường

lục địa sang môi trường biển trong địa bàn cư trú của cư dân văn hóa Óc Eo (Nguyễn Thị Mai Hương, Lê Thị Liên, 2013: 43-59).

Tại di tích Nhơn Trạch có 2 giai đoạn ngập mặn: Giai đoạn đầu ở độ sâu dưới 1,2m là tảo *diatomia* thuộc họ Controphycea nước mặn, giai đoạn tiếp sau ở độ sâu từ 1,2m đến 0,6m chủ yếu là phổ phần loài đước (*Rhizophora* sp.) và bần (*Someratia*). Đây là các loài thực vật ngập mặn, đặc trưng cho vùng duyên hải, cửa sông và đầm lầy. Cũng tại Nhơn Trạch còn tìm thấy nhiều cột gỗ, có vết gia công chặt đẽo của con người, đước làm từ những cây đước (*Rhizophora*), dừa nước (*Nypa*) và cau (*Areca catechu*) liên quan đến cột nhà sàn của người Óc Eo sớm, mà niên đại ^{14}C các cọc gỗ này là 1.660 ± 50 BP, 1.660 ± 50 BP (Nishimura M. et all, 2008, 1-71).

Thành phần bào tử phần hoa di chi Gò Cây Thị ở lớp có niên đại từ 1.110 ± 70 BP đến 1.990 ± 70 BP, có bằng chứng thay đổi từ môi trường đầm lầy nước ngọt sang môi trường biển, nước mặn. Ở giai đoạn sớm (độ sâu từ 0,68m đến 3,4m) phổ phần hoa chủ yếu là họ hòa thảo (Poaceae) và rau muối (Chenopodiaceae) (chiếm 58%); họ ưa nước chiếm 44% gồm cỏ / lác (Cyperaceae), bấc/ sậy (Joncaceae), phần hoa bông đầm lầy (14,7%) như *Lemna*, *Sparganium*, *Ceratopteris*; *Stenochlaena*... đặc trưng môi trường đầm lầy nước ngọt; thì sang giai đoạn muộn (độ sâu 0,57m - 0,68m) chủ yếu là cây thân gỗ (90%) như vẹt (*Bruguiera*), sù (*Cerriops*), đước (*Rhizophora*), bần (*Someratia*), mắm (*Avicennia*), lộc vừng (*Barringtonia*), xoan (*Lumnitzera*), dừa dại (*Pandanus*), trôm (*Excoecaria*), họ ô rô (Acanthaceae) lại đặc trưng cho rừng ngập mặn.

Phân tích vị trí 14 địa điểm văn hóa Óc Eo theo độ cao từ 7m đến 2m (từ 3.000 BP đến 2.000 BP) ở vùng Tứ giác nước Long Xuyên, Nguyễn Quốc Mạnh đã chỉ ra quá trình chiếm cư của cư dân Tiền Óc Eo và Óc Eo ở vùng này theo xu hướng từ cao xuống thấp theo thời gian. Tại độ cao 5-7m, người Tiền Óc Eo cư trú xung quanh chân các Núi San - Bây Núi, tiêu biểu là Gò Cây Tung, Cây Sung, Cây Trôm. Ở địa bàn cao ấy, sau này cư dân Óc Eo muộn quay lại xây dựng các di tích kiến trúc tôn giáo. Vào giai đoạn muộn hơn, cư dân chủ yếu cư trú ở thềm cao 3 -5m, tiêu biểu như Phun Keo, Gò Me, Gò Sảnh, Gò Châu Thi... một số khác, muộn hơn bắt đầu chiếm cư các giồng ở vùng trũng thấp với độ cao 1,5 -1,8m, tiêu biểu như Giồng Cu, Giồng Xoài, Xoa Áo. Vào giai đoạn Óc Eo sớm, cư dân gò Óc Eo, gò Cây Thị, gò Cây Đa, gò Tư Trâm đã chiếm lĩnh các gò đất cao 3m đến dưới 2m, vốn là vùng đất phù sa mới vùng cửa sông, ven biển (Nguyễn Quốc Mạnh, 2018:101). Đây là địa bàn lý tưởng cho cư dân định cư trồng lúa nước và cây ăn trái vùng cửa sông, ven biển, phát triển thủ công chế tác đồ đá, thủy tinh và làm gốm, mở rộng thương mại với thế giới bên ngoài.

Nhìn chung, quá trình chiếm cư của cư dân văn hóa Tiền Óc Eo và Óc Eo tiến triển theo xu hướng hạ độ cao, từng bước thích ứng với những thay đổi của mực nước biển. Những thay đổi môi trường đã làm thay đổi thành phần động vật và thực vật, tác động trực tiếp vào hoạt động săn bắt, hái lượm của cư dân ở đây. Nước biển rút, làm thay đổi thương cảng và đô thị ven biển của cư dân Óc Eo vùng Nam Bộ (Lê Hoàng Phong, Lâm Kiêm Lợi, 2019: 161; Nguyễn Anh Tuấn, 2019: 138).

2.2. Khí hậu và thủy văn

Chế độ khí hậu là một trong thành tố quan trọng của môi trường, tác động đến tất cả các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của cư dân văn hóa Óc Eo. Kết quả phân tích bào tử phần hoa, thành phần động thực vật cho biết, khí hậu đồng bằng Nam Bộ giai đoạn văn hóa Óc Eo về cơ bản như

hiện nay. Đó là khí hậu nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo, nền nhiệt ẩm phong phú, ánh nắng dồi dào, thời gian bức xạ dài, nhiệt độ cao. Biên độ nhiệt ngày đêm giữa các tháng trong năm thấp và ôn hòa. Độ ẩm trung bình hàng năm khoảng từ 80 - 82%. Mùa mưa diễn ra từ tháng 5 đến tháng 11, chịu ảnh hưởng gió mùa Tây Nam tập trung tới 90% tổng lượng mưa, còn mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa ít và bức xạ mặt trời lớn tăng cường độ bốc hơi (lượng bốc hơi >150mm/tháng) (Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc, 1993: 245-269). Chế độ khí hậu này đặc biệt có lợi cho sự phát triển của cây ăn trái, nhất là cây cho hạt như lúa nước.

Với cư dân Óc Eo vùng Nam Bộ, nước biển dâng đồng nghĩa với nhiệt độ và độ ẩm tăng, nước biển rút kéo theo nhiệt độ và độ ẩm thấp. Sự dao động của mực nước biển làm cho đất đai bị mặn hóa, chua phèn, ngập lụt, gây bất lợi cho cư dân nông nghiệp, nhất là việc trồng lúa. Vì vậy, định hướng khai thác biển của người Óc Eo là thích ứng với biến đổi môi trường, một lối sống thuận thiên từ ngàn xưa. Từ dấu tích các cọc gỗ dựng nhà sàn, các hàng cọc làm cầu nối giữa các nhà vùng lũ với nhau, những chiếc cà ràng dùng cho đun nấu trên thuyền, những loại thuyền gỗ, bè mảng vùng sông nước, cả đến những loại đồ gốm đựng nước, gốm chống kiến, gốm quan tài... trong một số di tích tiền Óc Eo và Óc Eo là bằng chứng thích ứng của cư dân vùng sông nước Nam Bộ xa xưa.

Khí hậu khắc nghiệt là điều kiện rèn đúc con người nơi đây khả năng chịu đựng dẻo dai, bền bỉ trước những biến đổi bất lợi của môi trường. Chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa Nam Bộ lại là tiền đề cho nhiều loài thực vật đua nhau phát triển, cho phép một số loài cây ăn quả, cây lương thực cho củ, cho hạt, đặc biệt là một số cây trồng ngắn ngày như lúa nước sớm được chăm sóc, cải tạo và trở thành cây lương thực chính của cư dân Óc Eo.

Hai hệ thống sông ngòi đồng bằng Nam Bộ dày đặc. Nếu như hệ thống sông Đồng Nai có vai trò to lớn đối với cư dân Tiền sử, thì hệ thống sông Cửu Long lại có vị trí quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của vùng tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười - địa bàn sinh sống chính của cư dân văn hóa Óc Eo. Hàng năm hai sông này vận chuyển trên 100 triệu tấn phù sa, bồi đắp cho đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với sông là hệ thống kênh rạch chằng chịt khắp vùng thấp Nam Bộ. Hệ thống thủy văn này không chỉ là giao thông thuận tiện, mà còn cung cấp nhiều hải sản có giá trị, cung cấp nước ngọt cho cây trồng, nhất là lúa nước. Cho đến nay, về cơ bản nơi đây vẫn là vùng đất thấp, độ cao trung bình 2m; nhiều khu vực trong vùng tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười hoặc phía Tây sông Hậu còn có hiện tượng bị ngập mặn mỗi khi triều cường.

3. Sự thích ứng của cư dân Óc Eo với môi trường

3.1. Với địa hình đa dạng

Các hoạt động của sông, sự thay đổi đường bờ biển trong kỷ Đệ tứ đã để lại cho vùng đất Nam Bộ các kiểu địa hình, địa mạo khác nhau. Các thềm sông, thềm biển nổi lên ở đồng bằng Nam Bộ là địa bàn lý tưởng để cư dân thời Tiền sử chiếm lĩnh khai phá và tụ cư. Ở giai đoạn sớm, con người thường chọn các thềm cổ hay còn gọi là các miệt cao, đến giai đoạn sau thường tụ cư trên các thềm thấp hay miệt thấp.

Cư dân văn hóa Tiền Óc Eo và Óc Eo phân bố rộng, chiếm cư một số kiểu địa hình đồng bằng Nam Bộ, nhưng tập trung cao nhất vẫn là vùng tứ giác Long Xuyên. Đó là sự lựa chọn, thích ứng của con người với địa hình tự nhiên. Khu vực Núi San - Bảy Núi được xem là vùng bán sơn địa, dạng đồi núi sót phủ sa cổ, địa hình bị chia cắt mạnh, đồng bằng nhỏ hẹp, khe suối dày đặc.

Khu vực Thoại Sơn - Núi Sập là vùng chuyển tiếp từ bán sơn địa xuống đồng bằng phù sa mới, thấp, mở rộng về phía Tây và phía Nam. Còn khu vực Hà Tiên - Rạch Giá là đồng bằng thấp duyên hải, được che chắn bởi núi đá vôi dạng sót.

Cư dân tiền - sơ sử đã chiếm cư các loại địa hình trên trong điều kiện đồng bằng thấp ở Tây Nam Bộ đang hình thành. Người ta ghi nhận ở đây có dạng thềm chuyển tiếp từ phù sa cổ xuống phù sa mới, dấu tích là các gò đất cao rải rác giữa các bãi lầy thấp với độ cao trung bình 4m. Trên vùng đồng bằng thấp, phù sa mới nổi lên các giồng cát ở vùng cửa sông giáp biển, có độ cao từ 1 đến 2m (Bùi Phát Diệm, ntk 2001: 56). Nếu như đồng bằng trũng thấp Đồng Tháp Mười có địa hình bằng phẳng, nhiều kênh rạch cắt xẻ, thấp trũng, lũ kín được che chắn bởi các giồng cát duyên hải miền Tây Nam Bộ, thì đồng bằng vùng tứ giác nước Long Xuyên là một không gian mở, kết nối với biển ở phía Đông và phía Tây và là tiền đề phát triển văn hóa của các cộng đồng cư dân những thế kỷ đầu Công nguyên (Nguyễn Quốc Mạnh, 2018: 30).

Vùng Tứ giác Long Xuyên được xem là một trong những trung tâm tụ cư của cư dân Óc Eo. Tại đây có một số kiểu địa hình, trong đó tiểu khu Núi San - Bảy Núi là nơi duy nhất ở Nam Bộ còn có hệ thống núi sót. Con người đã chiếm cư khá sớm, từ giai đoạn Tiền Óc Eo (3.500 - 2.000 năm BP) sau đó là giai đoạn Óc Eo (Tk I -VII s.Cn) và cả hậu Óc Eo (Tk VIII-X). Dấu tích cư trú và mộ táng thường gặp trong lớp cư dân Tiền Óc Eo, còn di tích kiến trúc tôn giáo chủ yếu ở giai đoạn Óc Eo.

Cư dân Óc Eo đã làm chủ các gò cao từ 5m đến 9m và qui hoạch xây dựng kiến trúc tôn giáo của mình. Khi xác định tọa độ và độ cao một số di tích Óc Eo ở huyện Tịnh Biên cho biết, các di tích này phân bố trên một trục gần thẳng hướng tây bắc - đông nam về phía đông của Núi Kết, phản ánh tính qui hoạch của một tổ chức hành chính, tôn giáo cư dân văn hóa Óc Eo trong lịch sử (Phan Thanh Toàn, 2011: 16-26) (Hình 2).



Hình 2. Các di tích ở huyện Tịnh Biên: 1-4: Tiền sử, 5-11: Óc Eo (Nguồn: Phan Thanh Toàn 2011).

Ngoài tiểu khu Núi San - Bảy Núi, trong vùng Tứ giác Long Xuyên còn có tiểu khu Thoại Sơn - Núi Sập (tiêu biểu là di tích Óc Eo - Ba Thê) và là một trung tâm văn hóa Óc Eo quan trọng nhất của ở đồng bằng sông Cửu Long. Cư dân giai đoạn này hoàn toàn làm chủ núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo, mà dấu tích văn hóa của họ còn bảo lưu ở các di tích Linh Sơn Bắc, Linh Sơn Nam, các gò Út Nhanh, Út Trạnh, Danh Sang với dấu tích kiến trúc tôn giáo và mộ táng điển hình của văn minh Óc Eo. Xung quanh chân núi Ba Thê, con người chiếm cư và thể hiện một hệ thống cư trú sớm và kiến trúc tiêu biểu cho văn hóa Óc Eo, như đã gặp ở gò Cây Me, gò Tư Trâm, gò Sáu Thuận, Trung Sơn. Trên cánh đồng Óc Eo, một loạt di tích cư trú đã gặp như Giồng Xoài, gò Cây Thị, gò Cây Đa, gò Giồng Cát. Một tiểu khu văn hóa Óc Eo khác ở vùng tứ giác Long Xuyên là

Nền Chùa (Kiên Giang). Đây là một trung tâm văn hóa Óc Eo vùng trũng thấp, con người thích ứng với môi trường sông nước bằng các kiến trúc nhà sàn trên gò đất cao hơn ruộng thấp. Nhìn chung, trong các tiểu địa hình của vùng trung tâm, con người có các cách tiếp cận riêng, sáng tạo ra nét văn hóa đặc thù, thể hiện sự thích ứng và sáng tạo của cư dân văn hóa Óc Eo ở đây.

Ra ngoài khu trung tâm tứ giác Long Xuyên, các nhà khảo cổ còn ghi nhận dấu tích văn hóa Óc Eo ở vùng U Minh Thượng, vùng Ô Môn-Phụng Hiệp (giữa sông Tiền và sông Hậu); vùng giồng Cai Lậy (Tiền Giang), giồng Trôm (Bến Tre), giồng Trà Vinh; vùng Đồng Tháp Mười; vùng lưu vực sông Vàm Cỏ, vùng đất xám Đông Nam Bộ. Riêng ở lưu vực sông Đồng Nai, các nhà khảo cổ nhận ra sự tương phản về mật độ di tích giữa giai đoạn sớm với sự phân bố dày đặc các di tích tiền sử, nhưng sang giai đoạn sơ sử, di tích Óc Eo lại hết sức thưa thớt (Phan Thanh Toàn, 2011, 16-26). Hình như, càng xa trung tâm tứ giác Long Xuyên, các di tích cư trú Óc Eo càng ít, chủ yếu xuất hiện loại di tích kiến trúc tôn giáo, ví như ở Chùa Dơi, tỉnh Sóc Trăng (Nguyễn Khắc Sửu, nkk, 2017: 641-644). Như vậy, đến giai đoạn văn hóa Óc Eo-Ba Thê đã xuất hiện các khu chức năng riêng biệt: Cư trú, trung tâm tôn giáo và sản xuất thủ công, Điều này khác về chất so với giai đoạn Tiền Óc Eo - chưa có sự chuyên biệt về chức năng các khu di tích.

3.2. Khai thác hài hòa tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên đồng bằng Nam Bộ trước hết là hệ thống rừng tự nhiên với các kiểu: rừng dày bán ẩm, đất xám, rừng hỗn giao bán ẩm rụng lá, rừng ngập mặn. Riêng rừng ngập mặn ở đây có nhiều quần thể thực vật liên quan trực tiếp đến môi sinh của cư dân Óc Eo, gồm các quần thể: Bần Trắng, Đước - Bần, Đước - Sú, Đước - Mắm và quần thể rừng Tràm. Ở miền Tây Nam Bộ chủ yếu là rừng ngập mặn ven biển, gồm các loại rừng Sáp và rừng Tràm, còn ở Đồng Tháp Mười lại xuất hiện nhiều loài thực vật thân gỗ lớn mọc xen lẫn đồng cỏ và bưng trũng.

Trong các kiểu rừng nói trên còn là nơi cư ngụ sinh sống của các loài động vật sống dưới nước như cá như: cá sú, cá chèn, cá bóng mú, cá kèo, tôm, cua, các loài nhuyễn thể biển như: vẹm, ốc, sò, nghêu, các loài bò sát như rắn, kỳ đà, cá sấu; các loài động vật trên cạn như chim, cò, diệc, sếu, bìm bịp; các động vật có vú như: khỉ, heo rừng, cọp, nai, chồn, dơi, chuột và các loài côn trùng.

Sử sách xưa cũng nhắc đến các loài muông thú như voi, tê giác, hổ, báo, trâu bò rừng, gấu, hươu nai, chó sói, heo rừng, khỉ voọc, trăn, rắn, chim chóc ở vùng này hết sức đa dạng: “Bắt đầu vào Chân Bò gần hết cả vùng đều là rừng rậm, bóng cây um tùm, khắp nơi vang tiếng chim hót và tiếng thú kêu... hàng trăm, hàng nghìn trâu rừng tụ họp từng bầy” (Châu Đạt Quan, 1296: 16). Đây là một trong những nguồn lợi quan trọng đối với các thế hệ cư dân cổ Óc Eo, kể cả gần đây.

Trong hồ khai quật một số địa điểm cư trú của cư dân tiền sử ở đồng bằng Nam Bộ đã tìm thấy di cốt các loài động vật, do con người săn bắt về làm thức ăn và bỏ lại nơi cư trú. Ở địa điểm Bình Đa tìm thấy xương các loài trâu rừng, bò rừng, heo rừng, hoẵng, hươu, nai, voi, tê giác và rùa

(Lê Trung Khá, 1981: 130). Ở các địa điểm Rạch Núi, An Sơn lưu vực sông Vàm Cỏ đã phát hiện xương cốt của khỉ, chó, mèo, chồn, tê giác, lợn rừng, hươu, nai, cá sấu và các loài cá (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2017: 11). Cả vùng ngập mặn, như di tích Bưng Bạc cũng đã phát hiện được di cốt động vật, nghi là của bò rừng (Phạm Đức Mạnh, 1996: 36). Đặc biệt, trong một số di tích văn hóa Óc Eo được khai quật như Nền Chùa (năm 1982, 1983), Óc Eo (1983), Gò Thám (1984), Đá Nổi (1985), Cạnh Đền (1986), Gò Thành (1988-1990),... đã thu được hàng nghìn mẫu xương động vật như trâu, bò rừng, hươu đầm lầy (*Cervus porcinus*), lợn rừng, lợn nhà hoặc vỏ các loài nhuyễn thể như loài sò (*Area* sp.), hào (*Ostrea* sp.) do con người thu hái đem về ăn và vứt lại nơi cư trú (Lê Trung Khá, 1984: 247-251; Lê Xuân Diệm, n.k, 1995: 429).

Đồng bằng Nam Bộ rộng lớn, mật độ cư dân thời văn hóa Óc Eo còn thấp, con người sống hài hòa với tự nhiên, mà ngày nay chúng ta gọi là thuận thiên. Điều này thể hiện ở việc cư dân Tiền Óc Eo và Óc Eo săn bắt một số loài thú rừng, nhưng chưa bao giờ trở thành một nghề chuyên nghiệp, mà gắn với mục tiêu bảo vệ người, bảo vệ gia súc và hoa màu. Các di cốt động vật săn bắt được ở đây nhiều về thành phần giống loài, nhưng số lượng cá thể trong một loài thì rất ít. Cũng như vậy, người Óc Eo đánh bắt cá biển, thường là các loài cá sống ở đới ven bờ, chưa thấy các loài sống trong môi trường biển sâu, xa bờ. Các hoạt động khai thác thủy, hải sản khác như các loài bò sát, nhuyễn thể, giáp xác hoặc thu hái những loại rau, củ, quả tự nhiên xung quanh mỗi loài một ít, không chuyên khai thác một loài nào, không dẫn đến hủy diệt loài ấy, góp phần cân bằng sinh thái trong vùng.

3.3. Sử dụng tài nguyên đất và nước

Cư dân Óc Eo đã tận dụng triệt để việc khai thác các vùng đất phù sa ven sông, ven biển, phù hợp cho canh tác lúa nước. Đã có nhiều giả thiết lúa trồng được ra đời khá sớm ở vùng này, vào khoảng 4.000 năm BP, dựa vào bằng chứng giáp tiếp là sự hiện diện của cuốc đá, dao hái, gôm in dầu hạt thóc. Nhưng dấu tích lúa trồng thực sự được ghi nhận phải đến giai đoạn văn hóa Óc Eo. Năm 1979, thám sát Óc Eo, các nhà khảo cổ tìm thấy nhiều hạt lúa trong tầng văn hóa. Nghiên cứu các hạt lúa này và so sánh với các giống lúa hiện nay ở khu vực Thoại Sơn, Nguyễn Xuân Hiến cho rằng, cư dân cổ Óc Eo đã biết đến nhiều giống lúa: lúa trời, lúa gài và lúa nổi. Trong đó, lúa nổi là loại lúa còn nhiều nét nguyên thủy nhất (Nguyễn Xuân Hiến, 1981: 102-105). Vết tích vỏ trấu còn được tìm thấy trong một số di tích Óc Eo như in trên những viên gạch miếu Bà Chúa Xứ hoặc trên gôm di tích Minh sư (Đặng Văn Thắng, 2019: 104). Lúa trồng ở giai đoạn này phát cao, trồng một vụ thu 3 vụ, mà Tấn Thư, một thư tịch cổ Trung Quốc đã biên chép về quốc gia Phù Nam.

Trong canh tác lúa nước, đất luôn phải gắn liền với nước. Trong đó, việc điều tiết nước trong các vùng ruộng cao, ruộng thấp hoặc lợi dụng mực nước lên xuống hàng ngày của thủy triều để làm ruộng, mà sử sách đã biên chép. Khảo cổ học đã phát hiện hệ thống kênh đào cổ trong địa bàn phân bố cư dân văn hóa Óc Eo, trong đó có kênh dài tới 80km chạy từ Angkor Borei (Campuchia, phía trên Châu Đốc) xuống Đá Nổi (Kiên Giang) chảy qua cả khu di tích Núi Sam, Bảy Núi, Óc Eo (Võ Sĩ Khải, 2008: 50). Việc canh tác lúa nước, nhưng vẫn giữ được độ màu mỡ,

phì nhiều lâu dài cho đất được xem là kết tinh của quá trình tích lũy kinh nghiệm sử dụng đất, sử dụng biến cư dân cổ Óc Eo.

3.4. Đời sống cư dân vùng sông nước

Ăn, ở, mặc và đi lại được xem là văn hóa vật chất của cư dân Óc Eo. Đây là hệ quả của sự thích ứng của con người với cảnh quan, môi trường, khí hậu vùng đất Nam Bộ, được tích lũy, lưu truyền qua nhiều thế hệ và trở thành truyền thống, bản sắc của cư dân nơi đây.

Tư liệu khảo cổ cho biết, 10 thế kỷ đầu Công nguyên, lương thực chính của cư dân Óc Eo là gạo tẻ. Lúa ở đây “trồng một năm thu ba năm” (*Tán thur*). Lúa gạo tìm thấy trong các di tích Gò Tháp, Óc Eo, Nền Chùa..., các dụng cụ nấu cơm như nồi, niêu, cà ràng, đồ dùng như tô, bát, đĩa,...bằng gốm phổ biến trong các di tích giai đoạn này. Ngoài lúa, nghề làm vườn trồng các loại rau, củ khá phát triển. Một số loại cây cho quả, mà hạt của chúng tìm thấy trong di chỉ, hoặc hình trái cây in trên các lá vàng là bằng chứng. Trong các di tích Óc Eo tìm thấy khối lượng lớn vỏ các loài nhuyễn thể biển, nước ngọt; xương cá, cang cua; xương các loài động vật trên cạn... Tất cả những vết tích ấy là tư liệu cho chúng ta ngoại suy về văn hóa ẩm thực đa dạng thời này. Từ nét văn hóa ẩm thực của cư dân Nam Bộ hiện nay có thể tưởng tượng ra cách chế biến các món ăn của người cổ Óc Eo xưa. Cơm gạo là thực phẩm chính của người Óc Eo. Các món ăn với cơm thường được chế biến tổng hợp từ động vật, thực vật tại chỗ, đôi khi còn thêm các loại gia vị, làm cho cái ăn trở nên độc đáo, mà ta gọi là canh. Ngoài thực phẩm qua chế biến, nấu nướng, cư dân thời này có thể đã biết bảo quản thực phẩm như: làm mắm, làm tương, phơi khô, ủ chua, lên men cho các món ăn của mình. Nguồn đạm trong khẩu phần ăn của cư dân Óc Eo xưa chủ yếu được khai thác từ các loài động vật thủy sinh như cá, tôm, cua, ốc. Nguồn thịt săn bắt được từ các loại thú rừng, sản phẩm chăn nuôi trong văn hóa Óc Eo không nhiều. Chăn nuôi chưa bao giờ trở thành nguồn sống chính của cư dân Óc Eo, bởi trong các di tích văn hóa Óc Eo rất hiếm động vật đã thuần hóa ngoài một số gia cầm như lợn, gà. Cơ chế bữa ăn thời Óc Eo có thể là cơm, canh rau, cá.

Sống trong những ngôi nhà sàn trên các kênh rạch là lối cư trú độc đáo của người Óc Eo. Ngay từ thời Tiền Óc Eo, tập quán cư trú trên nhà sàn đã được cư dân ở đây thiết lập. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy hệ thống lỗ chân cột nhà sàn, các cọc gỗ dựng nhà sàn, các cấu kiện liên quan đến kiến trúc nhà sàn, đôi khi được trang trí độc đáo, hoặc các hàng cọc dạng cầu nối các nhà với nhau được tìm thấy ở các di tích Bung Bạc, Bung Thơm, Rạch Rừng, gò Minh Sư, gò Cây Đa... Đến giai đoạn văn hóa Óc Eo, cư trú trên nhà sàn vẫn là sự lựa chọn tối ưu, lối cư trú này phổ biến ở các khu di tích Óc Eo, Lung Cây Mè, Tráp Đá (An Giang), Cạnh Đền (Kiên Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp) hoặc ở các cánh đồng thấp như vùng tứ giác Long Xuyên, rừng U Minh, lòng chảo Ô Môn, Phụng Hiệp,... Những ngôi nhà này được làm từ gỗ, kích thước nhỏ với một số cột có ngoàm đỡ, mái lợp bằng lá dừa nước. Không loại trừ một bộ phận cư dân thời này sống trên thuyền. Hầu như chỉ những công trình kiến trúc tôn giáo, khu mộ lưu giữ than tro giai đoạn Óc Eo muộn mới được xây dựng bằng gạch. Các kiến trúc tôn giáo ở đây gắn liền với tín ngưỡng Phật giáo và Hindu giáo giai đoạn văn hóa Óc Eo phát triển.

Cách ăn mặc, đầu tóc của người Óc Eo hầu như không có tài liệu trực tiếp từ khảo cổ. Trên đầu một số tượng giai đoạn Óc Eo cho thấy có lối để trần hoặc búi sau gáy, có tóc được quấn bằng

khăn, gợi ý về đầu tóc thời Óc Eo. Trong một số di tích như Óc Eo Ba Thê, Nhơn Thành, Gò Tháp, Cạnh Đèn, Gò Thành đều đã tìm thấy dọi xe sợi bằng đất nung, ghi nhận nghề dệt ở đây đã phát triển. Sách xưa chép: “Con nhà giàu cắt gấm thành từng tấm mà mà quần ngang thân, người nghèo thì lấy vải bố che thân” (*Nam Tề thư và Lương Thư*). Trang phục trên một tượng nam bằng đồng ở Óc Eo cho biết phần dưới đóng khố, dây trước bụng thả dài đến chân, mình trần, chân đất, không đeo trang sức. Một bức chạm khắc hình phụ nữ, phía trên để trần, dưới mặc váy. Đối với cư dân vùng sông nước, ở trần, chân đất, mặc váy (nữ), đóng khố (nam) được xem là phù hợp với điều kiện sông nước vùng nhiệt đới này. Một nét nổi bật trong văn hóa Óc Eo là rất nhiều đồ trang sức bằng vàng, đồng, thiếc, thủy tinh, đá quý và đất nung. Dấu tích hoạt động luyện kim, rèn, đúc kim loại và chế tác đồ trang sức tìm thấy trong các di tích văn hóa Óc Eo - Ba Thê, Cạnh Đèn, Nền Chùa, Gò Tháp, Nhơn Thành với qui mô lớn, mức độ chuyên hóa cao, phục vụ tiêu dùng trong nước và trao đổi với bên ngoài. Những đồ trang sức này đã được các tầng lớp người khác nhau trong xã hội Óc Eo sử dụng.

Trên cơ tầng văn hóa bản địa phát triển cao, cư dân Óc Eo đã đủ sức tiếp thu có chọn lọc các thành tựu văn hóa lớn của thời đại, trước tiên là văn hóa Ấn Độ, sau đó là Trung Hoa, Địa Trung Hải và Trung Á vào vùng đất Nam Bộ (Võ Sĩ Khải, 2006: 892-894; Nguyễn Thị Kim Dung, nnk, 2019: 489-514). Không gian sinh tồn của cư dân văn hóa Óc Eo là không gian mở, không khép kín, là một nhân tố hết sức quan trọng, giúp cho văn hóa Óc Eo không đơn điệu mà luôn luôn đa dạng và phong phú, nhờ hội nhập nhiều yếu tố mới từ bên ngoài, làm giàu thêm bản sắc văn hóa của mình, phù hợp với hoàn cảnh sống và môi trường khu vực đồng bằng Nam Bộ. Sự hưng thịnh của văn minh Óc Eo một phần nhờ vào giao lưu rộng mở bằng đường biển, nhưng khi thay đổi đường bờ, các cảng thị không còn vị trí giao thương nữa, thì nền kinh tế suy tàn nhanh chóng.

Trong văn hóa tâm linh ứng xử với người đã khuất, cư dân Tiền Óc Eo, Óc Eo cũng có những thay đổi theo môi trường sinh thái. Trong giai đoạn tiền sử, khi nước biển chưa đến, cư dân chôn mộ huyết đất với đồ tùy táng gắn liền với công cụ sinh hoạt đời thường như đã thấy ở các di tích An Sơn, Cù Lao Rùa, Đốc Chùa. Khi tiếp cận với vùng giồng cát, cư dân Tiền Óc Eo lại thay đổi bằng việc sử dụng quan tài gốm như Phú Hòa, Suối Chòn, Giồng Cá vồ, Giồng Phệt, đôi khi mai táng trong chum gỗ, mà đồ chôn theo lúc này thiên về trang sức bằng đá quý như khuyên tai hai đầu thú. Để rồi, sang những thế kỷ đầu Công nguyên, với địa bàn cư trú vùng ngập mặn, cùng với sự du nhập của Ấn độ giáo, cư dân văn hóa Óc Eo đã thay đổi căn bản táng thức, sang hỏa táng và để cốt trong các kiến trúc tôn giáo như đã gặp ở các di tích Đá Nổi, Gò Tháp, Nền Chùa....

4. Kết luận

Cư dân văn hóa Óc Eo đã tạo dựng cho mình một nền văn hóa riêng, độc đáo, trên cơ sở phát triển nội tại và hội nhập những tinh hoa của các nền văn hóa khác xung quanh, thích ứng với môi trường tự nhiên và tâm thức của mình trong cộng đồng nhân loại. Đó là một không gian mở. Tuy nhiên, không gian mở cũng có những điều bất lợi cho cư dân văn hóa Óc Eo, cho quốc gia Phù Nam, một quốc gia rộng lớn ở Nam Đông Dương, buộc họ luôn đặt mình trong hai nhiệm vụ song hành, vừa phải chăm lo xây dựng kinh tế, văn hóa trong cộng đồng, vừa phải lo phòng thủ và chống trả các kẻ thù từ bên ngoài dưới mọi hình thức, từ xâm lấn đất đai bờ cõi cho đến âm mưu đồng hóa về văn hóa. Những biến động về môi trường, về kinh tế, văn hóa, xã hội trong lịch sử.

Các di tích Tiền Óc Eo và Óc Eo ở vùng đồng bằng Nam Bộ thật sự là một biên niên sử nguyên vẹn, nổi bật về sự biến đổi môi trường sinh thái và sự thích ứng của con người trong quá khứ; một thí dụ nổi bật về truyền thống cư trú, truyền thống sử dụng đất, sử dụng biển, sử dụng tài nguyên thiên nhiên của con người trong giai đoạn Holocene muộn, làm nên bản sắc độc đáo của văn hóa Óc Eo.

Những phát hiện rõ ràng về đặc điểm cư trú, kiến trúc tôn giáo, đấu án căng, thị và mộ táng văn hóa Óc Eo liên quan chặt chẽ với môi trường vùng sông nước Nam Bộ. Loại di tích này hầu như ít thấy phổ biến ở khu vực Đông Nam Á. Và, do đó, văn minh Óc Eo ở đồng bằng Nam Bộ nhanh chóng được công nhận về khoa học như là một chuỗi điển hình trong khu vực, một cơ tầng của quốc gia Phù Nam, xứng đáng được công nhận như là Di sản văn hóa đặc sắc của nhân loại.

Câu chuyện văn hóa Tiền Óc Eo và Óc Eo ở đồng bằng Nam Bộ là hình ảnh thu nhỏ của quá trình toàn cầu về sự thay đổi khí hậu và mực nước biển đang dâng cao như hiện nay. Mực nước dâng sẽ làm mất đi các di tích khảo cổ Tiền Óc Eo và Óc Eo, trong khi nhiều di tích hiện vẫn bị xâm hại, bị phá hủy. Mỗi di tích khảo cổ ở đây không chỉ là một pho sử biên niên, là thềm căn cước của dân tộc bước vào sân chơi của thế giới hội nhập, có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nam Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung, cần được nghiên cứu, bảo vệ và phát huy.

Chú thích:

(1). Một số niên đại ^{14}C Tiền Óc Eo ở đồng bằng Nam Bộ: Gò Cây Tung: độ sâu 1,60m là 2.750 ± 60 BP; 2,77m là 2.870 ± 60 BP và 2,8m là 2.960 ± 80 BP; 2,60m là 2.670 ± 60 BP. Di tích Cái Vạng là 3.360 ± 80 và 3.195 ± 70 BP. Di tích Cái Lãng: 2.870 ± 90 BP, 2.770 ± 60 BP; 1.930 ± 50 BP; 1.990 ± 50 BP; 2.160 ± 50 BP và 2.230 ± 55 BP. Di tích Rạch Lá: 3.790 ± 60 BP; 4.325 ± 90 BP và 3.100 ± 60 BP. Di tích Gò Rạch Rừng: 2.800 ± 45 BP và 2.780 ± 40 BP. Di tích Lộ Giang: sâu 2,25m là 3.950 ± 75 BP; sâu 0,8m là 1.490 ± 50 BP. Các di tích Bến Đò: 3.040 ± 140 BP; Dốc Chùa: 2.990 ± 105 BP, Bưng Bạc: 3.080 ± 40 BP; 3.010 ± 40 BP; 2.770 ± 40 BP; 2.640 ± 40 BP; 2310 ± 40 BP; An Sơn: 2.885 ± 100 ; 2.775 ± 60 ; 2.885 ± 60 BP; Cù Lao Rùa: 2.230 ± 100 BP; Hàng Gòn 9 là 2.300 , 2.190 , 2.100 ± 150 ; Giồng Cá Vồ: là 2.480 ± 50 BP, Giồng Phệt: 2.100 ± 50 BP, 2.420 ± 484 BP. Giồng Am: 1.665 ± 40 BP; Rạch Núi: 2400 ± 100 BP; Gò Cao Su là 3.370 ± 80 BP và 2.650 ± 70 BP.

(2). Miền Đông Nam Bộ gồm: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh); miền Tây Nam Bộ gồm 13 tỉnh, thành phố là An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Hậu Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Kiên Giang, Tiền Giang và thành phố là Cần Thơ. Miền Tây Nam Bộ đôi khi còn được tách thành hai: Đồng Tháp Mười (gồm Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp) và đồng bằng sông Cửu Long (10 tỉnh, thành phố còn lại).

TÀI LIỆU DẪN

BÙI CHÍ HOÀNG (chủ biên) 2018. *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 591.

BÙI CHÍ HOÀNG, BÙI PHÁT DIỆM, VƯƠNG THU HỒNG 2001. *Khảo cổ học Long An thời tiền sử*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

BÙI PHÁT DIỆM, ĐÀO LINH CÔN, VƯƠNG THU HỒNG 2001. *Khảo cổ học Long An - Những thế kỷ đầu Công nguyên*, Sở VH TT tỉnh Long An xuất bản, Long An: 56.

- CHÂU ĐẠT QUAN 1296. *Chân Lạp phong thổ ký* (bản dịch Hà Văn Tấn). Nxb. Thế giới, Hà Nội: 16.
- ĐẶNG VĂN THẮNG 2019. *Khảo cổ học Óc Eo và Phù Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh: 104.
- HUANG ZHENGOU ET ALL 1987. *Sea-level changes along the coastal area of South China since Late Pleistocene*, in Qin Yunshan and Zhao Songling (eds), *Late Quaternary Sea-level changes*, China Ocean Press, Beijing: 142-154.
- LÊ ĐỨC AN 1996. *The fluctuation of Holocene sea level in the Vietnamese coastal zone*, in *Journal of Earth Science (vietnam)*, 12, pp. 365-367.
- LÊ HOÀNG PHONG, LÂM KIÊM LỢI 2019. Di tích kênh cổ Lung Lớn (Óc Eo-Ba Thê), trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa: Khai quật, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị*, Long Xuyên: 161-176.
- LÊ THỊ LIÊN 2019. Bàn thêm về vai trò của Ba Thê-Óc Eo trong sự phát triển của vương quốc Phù Nam, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa: Khai quật, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị*, Long Xuyên: 245-253.
- LÊ TRUNG KHÁ 1981. Quần động vật ở Bình Đa (Đồng Nai). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1981*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 130.
- LÊ TRUNG KHÁ 1984. Di cốt động vật ở khu di tích Óc Eo. Trong *Văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long*, Long Xuyên: 247-251.
- LÊ XUÂN DIỆM, ĐÀO LINH CÔN, VÕ SĨ KHẢI 1995. *Văn hóa Óc Eo những khám phá mới*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 429.
- FAIRBRIDGE R,W 1962. *The Levels of the Sea Word and change for climate*, London.
- FONTAINE, H. 1970. *Note sur les regions de Ha-Tien et de Hon-Chong*, dans *Archives Geologique Saigon, Vietnam* 13, 2, pp. 113-129.
- NGUYỄN ANH TUẤN 2019. Di tích gò Óc Eo qua kết quả khai quật năm 2018-2019. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa: Khai quật, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị*, Long Xuyên: 138-160.
- NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIẾN 2017. *Các loại hình xương chế tác đá thời tiền sử ở Đông Nam Bộ*. Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Khảo cổ học, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội: 11.
- NGUYỄN KHẮC SỬ 2007. *Tàn mạn đôi điều về di sản nhân ngày Di sản văn hóa Việt Nam*. Trong *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 4 (21): 14-16.
- NGUYỄN KHẮC SỬ, PHAN THANH TOÀN 2009. Thực trạng và giá trị các lớp văn hóa tiền sử ở An Giang trong nghiên cứu nguồn gốc văn hóa Óc Eo. Trong *Kỷ yếu hội thảo Văn hóa Óc Eo- nhận thức và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản*, An Giang: 25-39.
- NGUYỄN KHẮC SỬ, PHẠM VĂN DẦU, TRẦN VĂN ÚT 2017. *Phát hiện di chỉ văn hóa Óc Eo ở chùa Dơi (Sóc Trăng)*. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2016*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 641-644.
- NGUYỄN NGỌC, PHẠM HÙNG 1984. *Một số nét về lịch sử phát triển đồng bằng Nam Bộ trong kỷ Đệ tứ*. Trong *Văn hóa Óc Eo và một số văn hóa cổ đồng bằng sông Cửu Long*, Long Xuyên: 60-66.

- NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG, LÊ THỊ LIÊN 2013. Môi trường Tây Nam Bộ qua kết quả phân tích bào tử phấn hoa ở một số di chỉ văn hóa Óc Eo. Trong *Khảo cổ học*, số 2: 43-59.
- NGUYỄN VĂN LẬP VÀ NNK 2000. *Late Holocene depositional environments and coastal evolution of the Mekong River Delta, South Vietnam*. In *Journal of Asian Earth Science*, N^o18, pp. 393-413.
- NGUYỄN XUÂN HIẾN 1981. *Lúa gạo ở vùng di chỉ Óc Eo (An Giang)*, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1981*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 102-105.
- NGUYỄN QUỐC MẠNH 2018. *Các di tích tiền Óc Eo ở Từ giác Long Xuyên trong quá trình hình thành văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ*. Luận án tiến sĩ khảo cổ học, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- NGUYỄN THỊ KIM DUNG, NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN, LÊ HOÀNG PHONG 2019. *Góp thêm một vài nhận xét về hải thương cảng quốc tế Óc Eo*. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa: Khai quật, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị*, Long Xuyên: 489-514.
- NISHIMURA M., NGUYỄN DUY TỶ, HUỠNH ĐÌNH CHUNG 2008. *Excavation of Nhon Thanh at the Hau Giang - River Reach, Southern Vietnam*, in *Meishu Shi Yan Jiu Ji San*, N^o 23, 9-2008, pp. 1-71, Quo Li Taiwan Da Xue Mei Shu Shi Yan Jiu Sou Yin Xing.
- PHẠM ĐỨC MẠNH 1996. *Di tích khảo cổ học Bung Bạc (Bà Rịa - Vũng Tàu)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 36.
- PHẠM NGỌC TOÀN, PHAN TẮT ĐẮC 1993. *Khi hậu Việt Nam*. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- PHAN THANH TOÀN 2011. *Khảo cổ học tiền sử An Giang và vấn đề nguồn gốc văn hóa Óc Eo*. Trong *Khảo cổ học*, số 1 (169): 16-26.
- SINSAKUL, S. 1992. *Evidence of sea-level changes in the coastal area of Thailand: a review*. In *Southeast Asian Earth Sci. Journal*, N^o 7, pp. 23-37.
- TRẦN ĐỨC CƯỜNG (chủ biên) 2014. *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 58.
- VÕ SĨ KHÁI 2006. *Thời kỳ Tiền Óc Eo ở Nam Bộ*. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2005*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 892-894.
- VÕ SĨ KHÁI 2008. *Văn hóa Óc Eo sáu mươi năm nhìn lại*, trong *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam (kỷ yếu hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo 1944-2004)*. Nxb. Thế Giới: 50.

ÓC EO-CULTURE IDENTITY: APPROACH OF HUMAN GEO- ECOLOGY

NGUYỄN KHẮC SỬ

Based on the system of research data known so far on the environmental and climate changes such as sea-level fluctuations, climate and hydrology, the author has studied the adaptation of Óc Eo inhabitants to their settlement in a diverse natural environment, their harmonious exploitation of natural resources, and their use of land and water resources. From that, he comes to a conclusion that the pre-Óc Eo and Óc Eo sites in the Delta of Southern Việt Nam serve as an intact and outstanding chronicle of the eco-environmental changes and human adaptation in the past; an outstanding example of the habitation tradition, the traditional human use of land, sea, and natural resources in the late Holocene period, creating the unique identity of the Óc Eo culture.